

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN T

TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **73/2022/HNGĐ-ST**

Ngày **26/8/2022**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

2. Ông **Từ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lại Thị Hồng D** - sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Vũ Quốc T** - sinh năm 1983 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lại Thị Hồng D trình bày:** chị Lại Thị Hồng D và anh Vũ Quốc T tự tìm hiểu quen biết 01 tháng và chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 02/3/2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 02/3/2021.

Lý do xin ly hôn: chị D cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh T có lối sống buông thả, thường xuyên đi nhậu về kiểm chuyện chửi chị D, sự việc kéo dài chị D cho rằng rất bị áp

lực về tinh thần. Chị D thấy chung sống với anh T không có hạnh phúc nên chị D tự ly thân với anh T từ tháng 7/2021 cho đến nay.

- Về con chung: chị D xác nhận không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: chị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị D yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D yêu cầu được ly hôn với anh T.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án có triệu tập anh Vũ Quốc T để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh Vũ Quốc T vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- * Việc tuân theo pháp luật tố tụng:
 - Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.
 - Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
 - Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.
- * Ý kiến về việc giải quyết vụ án:
 - Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lại Thị Hồng D.
 - Về quan hệ con chung: Chị D trình bày không có.
 - Về tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh T vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Vũ Quốc T.

Xét thấy, anh T chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị D tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy

định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh T không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T chung sống với nhau được UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 26, ngày 02/3/2021, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị D là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị D cho rằng anh T có lối sống buông thả, thường xuyên đi nhậu về kiểng chuyện chửi chị D, sự việc thường xuyên lặp đi lặp lại kéo dài, chị D cho rằng rất bị áp lực về tinh thần. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn. Tại phiên tòa, chị D thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị D và anh T đã ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D được ly hôn với anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Không có.

[4] Về tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Chị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét. Trường hợp anh T cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị D phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lại Thị Hồng D được ly hôn với anh Vũ Quốc T.

2. Về quan hệ con chung: Không có.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Lại Thị Hồng D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006359 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Vũ Quốc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến